



Danh Sách Ghi Điểm
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Lớp p: TC11PTLA (Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An)

Môn Học Kinh tế quốc tế (208115-02)

CBGD

Lê Quang Thông

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	AI	Ng/Sinh	Số Tờ Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
1	11221005	TRẦN THỊ	AI	01/01/82	6	Sáu	Tha	Nợ HP
2	11221006	NGUYỄN HOÀNG	ANH	01/11/92	5	Năm	ngheal	Nợ HP
3	11221007	NGUYỄN HOÀNG	ANH	27/02/93	8	Tám	ngheal	Nợ HP
4	11221008	NGUYỄN VĂN	BẦY	28/11/68	7	Bảy	Quay	Nợ HP
5	11221009	NGUYỄN VĂN	BỀN	14/04/68	6	Sáu	Bên	Nợ HP
6	11221010	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	01/01/89	6	Sáu	Ch	Nợ HP
7	11221011	ĐẶNG HÙNG	CƯỜNG	1/65				Nợ HP
8	11221014	PHẠM XUÂN	DŨNG	26/10/79	8	Tám	Đunh	Nợ HP
9	11221015	HUỲNH NGUYỄN TRỌNG	DUY	30/10/81	8	Tám	Trọng	Nợ HP
10	11221013	BÙI TẤN	DƯƠNG	30/02/89	8	Tám	Quay	Nợ HP
11	11221012	VÕ THỊ THÙY	DƯƠNG	17/04/83	7	Bảy	Tha	Nợ HP
12	11221002	HUỲNH VĂN	ĐIỀN	13/09/75	7	Bảy	Tha	Nợ HP
13	11221003	ĐẶNG THANH	ĐIỀU	08/02/82	7	Bảy	Tha	Nợ HP
14	11221001	HUỲNH RẠNG	ĐÔNG	22/11/92				Nợ HP
15	11221004	LÊ HỮU	ĐỨC	28/11/74	7	Bảy	Đunh	Nợ HP
16	11221016	NGUYỄN TÚ	EM	24/06/87	7	Bảy	Đunh	Nợ HP
17	11221017	PHAN TRƯỜNG	GIANG	04/07/93	5	Năm	Đunh	Nợ HP
18	11221020	MAI HỒNG	HANH	26/08/84	8	Tám	Đunh	Nợ HP
19	11221021	NGUYỄN NGỌC	HANH	19/05/86	8	Tám	Đunh	Nợ HP
20	11221018	VÕ THỊ THANH	HĂNG	20/02/77	9	Chín	Đunh	Nợ HP
21	11221022	LÂM TRỌNG	HIẾU	21/05/91	8	Tám	Đunh	Nợ HP
22	11221023	LÊ PHÚ	HUY	08/07/74	9	Chín	Đunh	Nợ HP
23	11221024	PHẠM THỊ THANH	HUYỀN	11/03/84	8	Tám	Đunh	Nợ HP
24	11221019	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	28/02/85				Nợ HP
25	11221025	TRẦN NAM	KHA	08/05/92	9	Chín	Đunh	Nợ HP
26	11221026	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	10/11/82	6	Sáu	Đunh	Nợ HP
27	11221028	HUỲNH PHI	LONG	19/02/81				Nợ HP
28	11221029	NGÔ HOÀNG	LONG	09/01/83	6	Sáu	Đunh	Nợ HP
29	11221027	HUỲNH THIỀU	LƯƠNG	16/12/92				Nợ HP
30	11221030	HUỲNH HOÀNG	MINH	28/10/87	8	Tám	Đunh	Nợ HP
31	11221032	NGUYỄN VĂN	NHÂN	01/01/73	6	Sáu	Đunh	Nợ HP
32	11221033	ĐÀO KIM	NHÂN	26/10/93	6	Sáu	Đunh	Nợ HP
33	11221031	LÊ TRONG	NHÂN	01/10/81	5	Năm	Đunh	Nợ HP

Danh Sách Ghi Điểm

Lớp: TC11PTLA (Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An)

Môn Học: Kinh tế quốc tế (208115-02)

CBGD

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
34	11221034	TRẦN THANH	NUÔI	/ /87			Nợ HP
35	11221040	LÊ HOÀI	PHONG	15/12/81	5 Năm	Sau	Nợ HP
36	11221037	NGUYỄN THANH	PHÚ	20/11/88	6 Sáu	Sau	Nợ HP
37	11221038	HUỖNH DIỄM	PHÚC	20/12/82	7 Bảy	Sau	Nợ HP
38	11221039	NGUYỄN THANH	PHÚC	27/12/88			Nợ HP
39	11221035	NGUYỄN HỒNG	PHƯỚC	30/04/82	7 Bảy	Sau	Nợ HP
40	11221036	LƯƠNG NGỌC	PHƯỢNG	05/11/78	8 Tám	Sau	Nợ HP
41	11221041	HUỖNH THANH	SANG	18/08/90	7 Bảy	Sau	Nợ HP
42	11221042	PHAN VĂN	SANG	17/04/84			Nợ HP
43	11221043	TRƯƠNG THANH	SANG	25/12/80	5 Năm	Sau	Nợ HP
44	11221044	NGUYỄN NHẬT	SINH	20/12/87	5 Năm	Sau	Nợ HP
45	11221046	LÊ THÀNH	TÂN	/ /93			Nợ HP
46	11221054	NGUYỄN PHÚ	THANH	10/01/84			Nợ HP
47	11221049	VÕ TRƯỜNG	THÀNH	26/02/83	7 Bảy	Sau	Nợ HP
48	11221050	MAI VĂN	THẢO	26/03/79	7 Bảy	Sau	Nợ HP
49	11221052	PHẠM THỊ HỒNG	THẨM	05/12/84	8 Tám	Sau	Nợ HP
50	11221051	NGUYỄN VĂN	THẮNG	/ /86	7 Bảy	Sau	Nợ HP
51	11221053	HUỖNH MINH	THẮNG	/ /85	7 Bảy	Sau	Nợ HP
52	11221048	VÕ THÀNH	THUẬN	25/10/82	8 Tám	Sau	Nợ HP
53	11221047	LÊ THỊ ANH	THƯ	15/07/83	7 Bảy	Sau	Nợ HP
54	11221055	HỒ VĂN	THUỘT	08/08/79	8 Tám	Sau	Nợ HP
55	11221058	MAI THANH	TOÀN	06/06/86	8 Tám	Sau	Nợ HP
56	11221045	TRẦN BẢO	TÔN	01/10/84	6 Sáu	Sau	Nợ HP
57	11221056	HUỖNH MINH	TỚI	07/09/80	7 Bảy	Sau	Nợ HP
58	11221061	VÕ THANH	TRAI	12/02/82	5 Năm	Sau	Nợ HP
59	11221059	NGUYỄN HẢI MINH	TRÂN	12/10/83	7 Bảy	Sau	Nợ HP
60	11221064	TRẦN MINH	TRÍ	/ /82	6 Sáu	Sau	Nợ HP
61	11221063	VÕ MINH	TRÍ	05/07/89	7 Bảy	Sau	Nợ HP
62	11221062	PHẠM VĂN	TRỌNG	01/04/92	7 Bảy	Sau	Nợ HP
63	11221060	ÔN THANH	TRƯƠNG	/ /74	6 Sáu	Sau	Nợ HP
64	11221066	ĐỒNG VĂN	TUẤN	/ /85	8 Tám	Sau	Nợ HP
65	11221069	HUỖNH ANH	TUẤN	28/08/89	6 Sáu	Sau	Nợ HP
66	11221065	HUỖNH VĂN	TUẤN	16/08/90	7 Bảy	Sau	Nợ HP
67	11221068	NGUYỄN THANH	TUẤN	19/05/84	7 Bảy	Sau	Nợ HP
68	11221070	NGUYỄN VĂN	TUẤN	20/04/77	6 Sáu	Sau	Nợ HP

Danh Sách Ghi Điểm

Lớp: TC11PTLA (Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An)
Môn Học: Kinh tế quốc tế (208115-02)
CBGD

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
69	11221067	VÕ ANH	TUẤN	11/08/77	7	Baij	Nợ HP
70	11221057	LÊ MINH	TÙNG	17/11/78	7	Baij	Nợ HP
71	11221071	MAI THANH	TUYỀN	01/08/72	8	Baij	Nợ HP
72	11221072	NGUYỄN ANH	VŨ	17/10/90	8	Baij	Nợ HP
73	11221073	NGUYỄN TẤN	VŨ	30/02/89			Nợ HP

In Ngày 05/06/14 62SV
62 Bồi

Ngày 11 Tháng 6 Năm 2014

Cán Bộ Coi Thi 1

Cán Bộ Coi Thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

In Ngày 05/06/14

TP.HCM, Ngày 05 tháng 06 năm 2014

Ngày 9/7/2014



Lê Quang Thông